

## **Trịnh Cương – An đô Vương (...- Kỉ Dậu 1729)**

Trịnh Cương – An Đô vương (...- Kỉ Dậu 1729)

Chúa thứ năm đời Hậu Lê, hiệu An Đô Vương, miếu hiệu Hi tổ Nhân vương, cháu nội Định vương Trịnh Căn, quán làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Năm 1709 chúa Trịnh Căn mất, ông được nối ngôi chúa trở thành chúa thứ năm thời vua Lê.

Đời ông các cuộc chiến tranh giữa hai miền tạm hòa hoãn, nên việc nội trị tương đối yên ổn, thuế khóa, sưu dịch, tương đối có kỉ cương. Việc thương mại giữa các địa phương trong nước có quan “Giám đương” chăm nom.

Ông mất năm Kỉ Dậu 1729, ở ngôi chúa được 21 năm.

## **Trịnh Đình Cửu (1/5/1903 - 6/9/1931)**

Trịnh Đình Cửu (1901 - 1986), luật sư Việt Nam. Quê: Chính Kinh, Nhân Mục, nay là phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Học trung học ở Hà Nội, rồi sang Pháp tiếp tục học luật, văn chương, kinh tế - thương mại và đỗ tiến sĩ luật khoa. Đã từng bào chữa cho một số Việt kiều trước toà án ở Pháp; tham gia phong trào sinh viên Việt Nam tại Pháp. Về

nước năm 1929, làm luật sư tại Toà Thượng thẩm Sài Gòn, tận tình giúp đỡ và bào chữa cho những người yêu nước bị đế quốc Pháp bắt. Tham gia phong trào Đông Dương Đại hội (1936), đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh. Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong chính phủ Trần Trọng Kim (1945). Sau khi Sài Gòn bị Pháp tái chiếm, ông vẫn ở tại Sài Gòn, làm luật sư ở toà Thượng thẩm; tham gia đưa tang Trần Văn Ôn (1950); chủ tịch danh dự phong trào hoà bình ở Sài Gòn, đòi chính quyền Ngô Đình Diệm tôn trọng Hiệp định Giơnevơ (1955). Tham gia đấu tranh chống Mỹ - Diệm nên bị chính quyền Sài Gòn bắt giam nhiều lần. Đầu 1968, bí mật ra vùng giải phóng tham gia thành lập và được giữ chức chủ tịch Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ, Hoà bình Việt Nam. Phó Chủ tịch Hội đồng Cố vấn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam (1969), đại biểu Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VI (1976 - 81) và uỷ viên Uỷ ban Dự thảo Hiến pháp; uỷ viên Đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1977), vv. Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.

### **Trịnh Đình Thảo (1901 - 1986)**

Trịnh Đình Thảo (1901 - 1986). Quê Từ Liêm, Hà Nội. Du học ở Pháp, tốt nghiệp cử nhân văn chương, cao học kinh tế và thương mại, tiến sĩ luật khoa. Làm luật sư tại Tòa Thượng thẩm Sài Gòn nhiều năm. Sau Nhật đảo chính

Pháp ông giữ chức Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong nội các Trần Trọng Kim, đã ra lệnh thả hàng ngàn tù chính trị bị Pháp giam giữ. Năm 1968, ông ra chiến khu tham gia thành lập Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình Việt Nam. Từng giữ các chức vụ: Chủ tịch Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ hòa bình Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng cố vấn Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Sau ngày đất nước thống nhất, ông là ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ngày 31-3-1986, ông mất tại thành phố Hồ Chí Minh.

### **Trịnh Doanh – Minh đô vương (Canh Tí 1720-Đinh Hợi 1767)**

Trịnh Doanh-Minh đô vương (Canh Tí 1720-Đinh Hợi 1767)

Chúa thứ bảy đời vua Lê cháu Trịnh, nhà thơ, tước Minh Đô vương, con thứ ba của chúa Trịnh Cương, em ruột chúa Trịnh Giang, quê làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Ông tài gồm văn võ, có tiếng hay thơ. Từ 1736 được cử giữ chức Thái úy, tiết chế quân thủy bộ các xứ, tước An Quốc Công lúc 16 tuổi. Đến 1740, được thay anh nối nghiệp chúa. Thời ông cầm quyền, trong nước nhiều biến loạn, ông phải nhọc lòng xếp đặt lại mọi việc, hạn chế bớt việc xây dựng chùa chiền, trả

ruộng đất lại cho nông dân, ưu đãi các tướng sĩ để đối phó với các cuộc khởi nghĩa của nhân dân trong xứ.

Năm Đinh Hợi 1767 ông mất, hưởng dương 47 tuổi.

Ngoài một số nhà Chúa, ông còn là một nhà thơ, ông có soạn các tác phẩm:

– Càn Nguyên ngự chế thi tập,

– Minh Đô vương thi tập

– Bình Tây thực lục